TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PLEIKU** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 31/2019/DS-ST Ngày 31-7-2019 V/v tranh chấp về hợp đồng thi công xây dựng	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Tiến

***Các Hội thẩm nhân dân*:** Ông Trần Viết Trà và bà Nguyễn Thị Bắc

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Hoàn - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2017/TLST- DS ngày 12 tháng 5 năm 2017 về việc *"Tranh chấp về hợp đồng thi công xây dựng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2019/QĐXXST- DS, ngày 06 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2019/QĐST-DS, ngày 02/7/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai.

Địa chỉ: Khu trung tâm Hành chính huyện P, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Anh T - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 09/3/2017).

Địa chỉ: Khu trung tâm Hành chính huyện P, tỉnh Gia Lai.

Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T.

Địa chỉ: Số 527 đường L, tổ 1, phường T, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện hợp pháp: Bà Trần Thị Hồng P - Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty.

Địa chỉ: Số 527 đường L, tổ 1, phường T, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Võ Trung H – Giám đốc điều hành Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T.

Địa chỉ: Số 527 đường L, tổ 1, phường T, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Vắng mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng: Ông Võ Quốc T – Nguyên Trưởng Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng cơ bản huyện P, tỉnh Gia Lai.

Địa chỉ: Tổ dân phố 8, thị trấn P, huyện P, tỉnh Gia Lai.

Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/3/2017; đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 12/5/2017; các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Anh T trình bày:

Ngày 16/6/2010 Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng cơ bản huyện P với Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T (Sau đây viết tắt là Công ty T) ký kết hợp đồng xây dựng số 15/2010/HĐ-XD về việc thi công xây dựng Kè chống sạt lở sông I đoạn qua thị trấn P, huyện P, tỉnh Gia Lai (đoạn bờ hữu từ Km 0+00 - Km 0+900) với giá trị 8.004.000.000đ (Tám tỷ không trăm lẻ bốn triệu đồng). Thời gian thi công là 195 ngày (kể từ ngày 16/6/2010 đến ngày 27/12/2010), sau đó tại các văn bản số 338/UBND-CN ngày 18/02/2011 và 4052/UBND-CN ngày 20/11/2013 được Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai cho phép gia hạn thời hạn thi công hoàn thành công trình trong năm 2013. Theo hợp đồng ký kết, bên thi công là Công ty T phải thực hiện thi công xây dựng công trình bờ kè chống sạt lở sông I đoạn qua thị trấn P, huyện P theo hồ sơ thiết kế đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Sau khi ký hợp đồng Ủy ban nhân dân huyện P đã tạm ứng và thanh toán cho Công ty T tổng số tiền 6.345.000.000đ. Nhưng phía Công ty T không hoàn thành công trình theo đúng tiến độ, vi phạm hợp đồng đã ký kết, dẫn đến hai bên phải tiến hành thanh lý hợp đồng ngày 08/6/2015 theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai.

Nay Ủy ban nhân dân huyện P yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH MTV T bồi thường số tiền 6.393.224.270đ (Sáu tỷ ba trăm chín ba triệu hai trăm hai mươi bốn nghìn hai trăm bảy mươi đồng) theo các khoản cụ thể như sau:

- Hoàn trả số tiền còn nợ tạm ứng với giá trị là 2.890.950.000đ.

- Hoàn trả bằng tiền khối lượng mất mát, hư hỏng đã thanh toán trị giá 831.190.937đ.

- Tiền vi phạm hợp đồng theo Phụ lục hợp đồng xây dựng số 15b/PLHĐ-XD ngày 18/02/2011 với số tiền là 12% giá trị khối lượng còn lại chưa hoàn thành, cụ thể khối lượng giá trị còn lại là 8.004.000.000đ – 3.881.228.000đ = 4.122.711.740đ. Số tiền nộp vi phạm hợp đồng là 4.122.711.740 x 12% = 494.725.000 đồng.

- Bồi thường giá trị chênh lệch phần khối lượng chưa thi công dẫn đến trượt giá với giá trị là 2.176.358.333đ (số tiền trên theo đơn giá ngày 16/6/2010 đến thời điểm thanh lý hợp đồng ngày 08/6/2015).

Ngoài ra ông Nguyễn Anh T không trình bày gì thêm.

2. Toà án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục để triệu tập hợp lệ đối với bà Trần Thị Hồng P - Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV T là người đại diện theo pháp luật của bị đơn. Tuy nhiên, bà Trần Thị Hồng P không đến Toà án để tham gia tố tụng, tại phiên tòa hôm nay tiếp tục vắng mặt. Do vậy, bà P không có lời khai tại hồ sơ vụ án và cũng không có lời khai tại phiên toà.

3. Tại các lời khai có tại hồ sơ vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Trung H trình bày:

Theo hợp đồng xây dựng số 15/2010/HĐ-XD, ngày 16/6/2010, ông Võ Trung H là Giám đốc điều hành Công ty TNHH MTV T được ủy quyền ký kết hợp đồng với Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng cơ bản huyện P để thi công xây dựng công trình Kè chống sạt lở sông I đoạn qua thị trấn P, huyện P, tỉnh Gia Lai (đoạn bờ hữu từ Km0 – Km0 + 900) với giá trị 8.004.000.000đ (Tám tỷ không trăm lẻ bốn triệu đồng). Công trình được Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai gia hạn thời gian thi công.

Công ty TNHH MTV T đã tạm ứng 6.345.000.000đ; giá trị khối lượng thực tế thi công tại công trường đạt 3.030.000.000 đồng. Đơn vị thi công không hoàn thành công trình theo đúng tiến độ vì nhiều lý do khách quan. Vì vậy Công ty TNHH MTV T còn nợ Ủy ban nhân dân huyện P tiền tạm ứng là 3.315.000.000đ.

Công ty TNHH MTV T đã hoàn trả số tiền ứng được 1.500.000.000đ (Một tỷ năm trăm triệu đồng); bị đơn chỉ chấp nhận bồi thường số tiền vật tư bị mất mát hao hụt cho Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai là 831.190.000đ (đã nghiệm thu) và chấp nhận bồi thường cho Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai số tiền 983.810.000đ còn nợ. Vì vậy hiện nay Công ty TNHH MTV T chỉ chấp nhận bồi thường cho Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai với số tiền 1.815.000.000 (Một tỷ tám trăm mười lăm triệu đồng).

Công ty TNHH MTV T không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngoài ra ông Võ Trung H không trình bày gì thêm.

Kiểm sát viên có ý kiến phát biểu tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý, giải quyết yêu cầu của nguyên đơn, quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng quy định, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ pháp luật tố tụng theo quy định, đối với bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật tố tụng. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự tại phiên tòa.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của UBND huyện P là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định buộc Công ty TNHH MTV T thanh toán cho UBND huyện P, tổng số tiền 6.393.224.270đ, gồm các khoản tiền sau:

- Hoàn trả số tiền còn nợ tạm ứng với giá trị là 2.890.050.000đ.

- Hoàn trả bằng tiền khối lượng mất mát, hư hỏng đã thanh toán trị giá 831.190.937đ.

- Tiền vi phạm hợp đồng theo Phụ lục hợp đồng xây dựng số 15b/PLHĐ-XD ngày 18/02/2011 với số tiền là 4.133.711.740 x 12% = 496.045.000đ.

- Bồi thường thiệt hại trượt giá với giá trị là 2.176.358.333đ.

Buộc Công ty T phải chịu tiền chi phí giám định và án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận đinh:

[1] Đây là vụ án tranh về hợp đồng thi công xây dựng công trình bờ kè chống sạt lở sông I đoạn qua thị trấn P, huyện P, tỉnh Gia Lai; bị đơn có địa chỉ trụ sở tại địa bàn thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai theo loại việc, theo cấp xét xử và theo lãnh thổ theo quy định tại các Điều 26, 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, đại diện bị đơn bà Trần Thị Hồng P và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Võ Trung H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[3] Xét thấy giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T và Ủy ban nhân dân huyện P giao kết hợp đồng thi công xây dựng số 15/2010/HĐ-XD ngày 16/6/2010, với thời hạn thi công là 195 ngày, kể từ ngày 16/6/2010; tổng giá trị hợp đồng là 8.004.000.000đ; nội dung chủ yếu của hợp đồng là Công ty T phải thi công xây dựng bờ kè chống sạt lở sông I đoạn qua thị trấn P, huyện P, tỉnh Gia Lai với chiều dài từ Km0 – Km0 + 900 theo hồ sơ thiết kế đã được phê duyệt. Tuy nhiên đến ngày 08/6/2015 hai bên đã tiến hành thanh lý hợp đồng do phía thi công là Công ty T không thực hiện đúng hợp đồng.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

- Đối với yêu cầu khởi kiện buộc Công ty T hoàn trả số tiền ứng là 2.890.950.000đ, HĐXX xét thấy: Thực hiện theo thỏa thuận trong hợp đồng Ủy ban nhân dân huyện P đã tạm ứng và thanh toán cho Công ty T tổng số tiền là 6.345.000.000đ, sau đó Công ty T đã hoàn trả cho Ủy ban nhân dân huyện P số tiền ứng 1.500.000.000đ bằng việc chuyển khoản theo ba ủy nhiệm chi do Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư xây dựng và Thương mại D trả nợ thay trong các ngày

10/10/2016, 21/7/2016, 20/6/2016 theo thỏa thuận giữa hai bên. Giá trị thi công công trình của Công ty T đã thi công và được nghiệm thu thanh toán là 1.954.050.000đ, sau đó Ủy ban nhân dân huyện P thu lại số tiền thanh toán nghiệm thu này trừ vào số tiền tạm ứng nên tiền tạm ứng còn lại chưa trả sẽ là 6.345.000.000đ – 3.454.050.000đ (1.500.000.000đ + 1.954.050.000đ) = 2.890.950.000đ. Đối với phần giá trị thi công công trình giai đoạn 2 là 1.927.238.260đ, phía Công ty T không làm thủ tục nên Ủy ban nhân dân huyện P không có cơ sở nghiệm thu, thanh quyết toán trừ vào số tiền tạm ứng đối với khối lượng thi công này cho Công ty T là phù hợp. Do đó yêu cầu của Ủy ban nhân dân huyện P buộc Công ty T trả lại số tiền tạm ứng 2.890.950.000đ là có căn cứ cần chấp nhận.

- Đối với yêu cầu buộc Công ty T hoàn trả số tiền khối lượng mất mát, hư hỏng đã thanh toán giá trị là 831.190.937đ. HĐXX xét thấy đây là giá trị thi công phía Ủy ban nhân dân huyện P đã thanh toán nghiệm thu cho Công ty T trong số tiền 1.954.050.000đ, nhưng chưa được bàn giao công trình thì xảy ra mất mát thiệt hại, nên phía Công ty T phải chịu tổn thất này là phù hợp, và chính ông Võ Trung H cũng thừa nhận về trách nhiệm bồi thường phần thiệt hại này với Ủy ban nhân dân huyện P theo biên bản kiểm tra, xác nhận khối lượng công trình ngày 06/5/2016. Vì vậy yêu cầu này của Ủy ban nhân dân huyện P là có cơ sở để chấp nhận.

- Đối với yêu cầu Công ty T phải chịu một khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng với giá trị vi phạm chưa thi công tương ứng 12%. HĐXX xét thấy ngày 18/02/2011 các bên có ký kết phụ lục hợp đồng số 15b/PLHĐ-XD, trong đó có thỏa thuận phạt vi phạm hợp đồng 12% tương đương giá trị vi phạm là phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, theo Khoản 2 Điều 110 của Luật xây dựng. Theo biên bản thanh lý hợp đồng ngày 08/6/2015 giữa hai bên, xác định giá trị thi công công trình của Công ty T là 3.881.228.000đ, do đó giá trị vi phạm hợp đồng là 8.004.000.000đ – 3.881.228.000đ = 4.122.711.740đ. Số tiền phạt vi phạm hợp đồng sẽ là 4.122.711.740 x 12% = 494.725.000đ (Lấy tròn số), có cơ sở để chấp nhận.

- Đối với yêu cầu bồi thường giá trị chênh lệch phần khối lượng chưa thi công dẫn đến trượt giá với giá trị là 2.176.358.333đ (số tiền trên theo đơn giá ngày 16/6/2010 đến thời điểm thanh lý hợp đồng ngày 08/6/2015). HĐXX xét thấy trong quá trình chuẩn bị xét xử Ủy ban nhân dân huyện P yêu cầu bồi thường thiệt hại do trượt giá là 5.500.000.000đ, nhưng tại phiên tòa yêu cầu Tòa án buộc Công ty T bồi thường số tiền 2.176.358.333đ là phù hợp. Vì giá trị thiệt hại do trượt giá tính từ ngày 16/6/2010 đến ngày thanh lý hợp đồng 08/6/2015 đối với phần khối lượng công việc chưa thi công, đã được giám định viên tư pháp về lĩnh vực xây dựng kết luận ngày 13/3/2019 là có căn cứ. Vì vậy có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Ủy ban nhân dân huyện P buộc Công ty T phải bồi thường.

[5] Về tiền án phí:

- UBND huyện P không phải nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm và không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Công ty TNHH MTV T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Về chi phí giám định:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, bị đơn phải chịu tiền chi phí giám định, hoàn trả cho Ủy ban nhân dân huyện P số tiền tạm ứng chi phí giám định đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; các Điều 91, 227, 228, 235, 244, 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 280, 281, 302, 307, 388, 402, 408, 412, 422 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 75, 76, 80, 81, 107, 108, 110 của Luật Xây dựng năm 2003;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T phải thanh toán cho Ủy ban nhân dân huyện P số tiền là 6.393.224.270đ (Sáu tỷ ba trăm chín ba triệu hai trăm hai mươi bốn nghìn hai trăm bảy mươi đồng) trong đó gồm các khoản cụ thể như sau:

- Hoàn trả số tiền còn nợ tạm ứng với giá trị là 2.890.950.000đ.

- Hoàn trả bằng tiền khối lượng mất mát, hư hỏng đã thanh toán trị giá 831.190.937đ.

- Tiền phạt vi phạm hợp đồng 494.725.000đ.

- Bồi thường giá trị chênh lệch phần khối lượng chưa thi công dẫn đến trượt giá với giá trị là 2.176.358.333đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 143, 144, 147, 159, 161, 162, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 24, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội:

1. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T phải chịu 114.393.224đ ***(Một trăm mười bốn triệu ba trăm chín ba nghìn hai trăm hai mươi bốn đồng)*** [112.000.000đ + (2.393.224.270đ) x 0,1%] tiền án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

2. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T phải chịu 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng) tiền chi phí giám định. Công ty Trách nhiệm

hữu hạn Một thành viên T phải hoàn trả cho Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai số tiền tạm ứng chi phí giám định 45.000.000đ đã nộp.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay, nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố Pleiku;
- Chi cục THADS thành phố Pleiku;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Tiến